

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 351/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 9 – 2023

“Về tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Minh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Công Trường
- Ông Lê Thanh Hiện

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Minh Chiến, là Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 552/2023/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 344/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị H, sinh năm: 1976 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Bùi Văn H1, sinh năm: 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 6, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 10/8/2023, bà Thái Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Bùi Văn H1 xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng từ năm 1994, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H.M, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, bà H cho rằng thời gian đầu vợ, chồng vẫn hạnh phúc nhưng sau này luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, gia đình hai bên có hòa giải nhiều lần nhưng không có hiệu quả nên bà và ông H1 đã sống ly thân với nhau gần 02 năm nay. Do đó, bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Bà H xác định giữa bà và ông H1 có 02 con chung là Bùi Châu Đ, sinh năm 1996 và Bùi Hoàng H, sinh năm 1998. Hiện các con bà đã thành

niên, có cuộc sống tự lập nên không đặt ra nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận.
- Về nợ chung: Bà H khai rằng giữa bà và ông H1 không có nợ chung.
- * Đối với ông Bùi Văn H1 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa bà Thái Thị H và ông Bùi Văn H1 là tranh chấp về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của ông Bùi Văn H1: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa để tham gia xét xử vụ án nhiều lần thông qua thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng nhưng ông H1 đều vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến phản hồi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H1 theo quy định. Đối với việc đề nghị vắng mặt của bà Thái Thị H, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Thái Thị H và ông Bùi Văn H1 xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 1994 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến tình cảm sứt mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong cuộc sống vợ chồng của ông bà, mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau. Từ đó, giữa vợ chồng đã nhiều lần cãi vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, bà H và ông H1 tự sống ly thân nhau nhiều năm để ông, bà tự dung hoà nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Thời gian này để cho ông, bà có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Bên cạnh đó, bà H cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì bà cũng không thể quay lại chung sống với ông H1, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn ông H1 là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Bùi Châu Đ và cháu Bùi Hoàng H hiện đã thành niên, có cuộc sống tự lập nên không đặt ra trách nhiệm nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Bà H xác định tự thỏa thuận nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà H khai rằng giữa bà và ông H1 không nợ ai và không ai nợ ai ông, bà nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Thái Thị H về việc ly hôn ông Bùi Văn H1.

2. Về con chung: Đã thành niên.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà Thái Thị H phải chịu 300.000đ. Ngày 10 tháng 8 năm 2023, bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số: 7236 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Bà H và ông H1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã H.M, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải